

chuong_25

Chương XXV

CÁC TỘI XÂM PHẠM NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHỐI THUỘC VỚI QUÂN ĐỘI TRONG CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU

Điều 392. Những người phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân

1. Quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng. 2. Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện. 3. Dân quân, tự vệ trong thời gian phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu. 4. Công dân được trưng tập vào phục vụ trong quân đội.

Điều 393. Tội ra mệnh lệnh trái pháp luật

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ra mệnh lệnh trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Điều 394. Tội chống mệnh lệnh

1. Người nào từ chối chấp hành hoặc cố ý không thực hiện mệnh lệnh của người có thẩm quyền, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Dùng vũ lực; d) Gây hậu quả nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng. 4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung

chuong_25

thân.

Điều 395. Tội chấp hành không nghiêm chỉnh mệnh lệnh

1. Người nào chấp hành mệnh lệnh của người có thẩm quyền một cách lơ là, chậm trễ, tùy tiện gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 396. Tội cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ

1. Người nào cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ dẫn đến người đó không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Dùng vũ lực; d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 397. Tội làm nhục đồng đội

1. Người nào trong quan hệ công tác mà xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự đồng đội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên; c) Vì lý do công vụ của nạn nhân; d) Trong khu vực có chiến sự; đ) Phạm tội 02 lần trở lên; e) Đối với 02 người trở lên; g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên; h) Làm nạn nhân tự sát.

chuong_25

Điều 398. Tội hành hung đồng đội

1. Người nào trong quan hệ công tác mà cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của đồng đội mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 135 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên; c) Vì lý do công vụ của nạn nhân; d) Trong khu vực có chiến sự; đ) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 399. Tội đầu hàng địch

1. Người nào đầu hàng địch, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Giao nộp cho địch vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự; c) Giao nộp tài liệu quan trọng hoặc khai báo bí mật công tác quân sự; d) Lôi kéo người khác phạm tội; đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước; b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 400. Tội khai báo hoặc tự nguyện làm việc cho địch khi bị bắt làm tù binh

1. Người nào khi bị địch bắt làm tù binh mà khai báo bí mật công tác quân sự hoặc tự nguyện làm việc cho địch, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Đối xử tàn ác với tù binh khác; c) Lôi kéo người khác khai báo, làm việc cho địch; d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước; b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

chuong_25

Điều 401. Tội bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu

1. Người nào tự ý rời bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật công tác quân sự; c) Lôi kéo người khác phạm tội; d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

Điều 402. Tội đào ngũ

1. Người nào rời bỏ hàng ngũ quân đội nhằm trốn tránh nghĩa vụ trong thời chiến hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Mang theo, vứt bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật quân sự; d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 403. Tội trốn tránh nhiệm vụ

1. Người nào tự gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của mình hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác để trốn tránh nhiệm vụ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Trong thời chiến; d) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; đ) Trong tình trạng khẩn cấp; e) Gây hậu quả nghiêm trọng. 3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

chuong_25

Điều 404. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự

1. Người nào cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 361 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sỹ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 405. Tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự

1. Người nào chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điều 110, 337 và 361 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sỹ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 406. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự

1. Người nào vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 338 và Điều 362 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Là chỉ huy hoặc sỹ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 407. Tội làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự

1. Người nào làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 338 và Điều 362 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị

chuong_25

phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Là chỉ huy hoặc sỹ quan; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong chiến đấu; d) Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 408. Tội báo cáo sai

1. Người nào cố ý báo cáo sai trong hoạt động quân sự gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong tình trạng khẩn cấp; d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 409. Tội vi phạm quy định về trực ban, trực chiến, trực chỉ huy

1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 410. Tội vi phạm quy định về bảo vệ

1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh quy định về tuần tra, canh gác, áp tải, hộ tống thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm: a) Làm người được bảo vệ, hộ tống bị tổn thương cơ thể; b) Làm hư hỏng phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự; c) Làm thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; d) Gây hậu quả nghiêm trọng. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Làm người được bảo vệ, hộ tống chết; b) Làm mất phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự; c) Trong chiến đấu; d) Trong khu vực có chiến sự; đ) Lôi kéo người khác phạm tội; e) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

chuong_25

Điều 411. Tội vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện

1. Người nào không chấp hành nghiêm chỉnh những quy định bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Điều 412. Tội vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự

1. Người nào vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 413. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 114 và Điều 303 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm: a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Lôi kéo người khác phạm tội; d) Gây hậu quả nghiêm trọng. 3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Điều 414. Tội làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự

1. Người nào được giao quản lý, được trang bị vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự mà làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc

chuong_25

biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Điều 415. Tội quấy nhiễu nhân dân

1. Người nào có hành vi quấy nhiễu nhân dân đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Trong khu vực có chiến sự; d) Trong khu vực đã có lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 416. Tội lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ

1. Người nào trong khi thực hiện nhiệm vụ mà vượt quá phạm vi cần thiết của nhu cầu quân sự gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng của Nhà nước, của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Điều 417. Tội cố ý bỏ thương binh, tử sỹ hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh

1. Người nào có trách nhiệm mà cố ý bỏ thương binh, tử sỹ tại trận địa hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh dẫn đến không tìm thấy thương binh, tử sỹ hoặc thương binh bị chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Đối với 02 thương binh hoặc 02 tử sỹ trở lên.

Điều 418. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sỹ

1. Người nào chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sỹ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì

chuong_25

bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của 02 tử sỹ trở lên.

Điều 419. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm

1. Người nào trong chiến đấu hoặc khi thu dọn chiến trường mà chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Chiến lợi phẩm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; c) Gây ảnh hưởng xấu đến uy tín quân đội; d) Chiến lợi phẩm có giá trị trong quân sự; đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. a) Chiến lợi phẩm trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) Chiến lợi phẩm có giá trị đặc biệt trong quân sự; c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 420. Tội ngược đãi tù binh, hàng binh

Người nào ngược đãi tù binh, hàng binh, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.